ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
~~TRƯỜNG~~ ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi | Học kỳ 1 | Năm học 10-11

MÔN HỌC Cad/cam/cnc | Mã MH 202104
Số tín chỉ 3 | Nhóm - tổ 01 - A
Ngày thi 13/01/11 Phòng thi 401C5 | Tiết thi 8-9
CBGD chính Lê Quang Bình | Mã số CB 1.2451

Tỉ lệ đánh giá: 50 %

Ngày nộp điểm:

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	20700032	Diệp Nam	Anh	3456		6,0	Sáu	
2	20700040	Hoàng Khắc	Anh	4567		8,0	tám	
3	20700048	Lương Minh Tuấn	Anh	3456		6,0	Sáu	
4	20700109	Nguyễn Thiên	ấn	4567		8,5	tám rưỡi	
5	20700180	Trương Đức	Bình	3456		8,5	tám rưỡi	
6	20700205	Phạm Minh	Châu	4567		8,5	tám rưỡi	
7	20700223	Lương Quốc	Chí	3456		9,5	chín rưỡi	
8	20700245	Trình Nhật	Chương	4567		9,0	chín	
9	20700413	Đoàn Trung	Dũng	3456		8,5	tám rưỡi	
10	20700451	Mai Thái	Dương			13	mười ba	Vắng
11	20700619	Lê	Giáp	2345		9,0	chín	
12	20700729	Bùi Trung	Hiếu	1234		8,0	tám	
13	20700744	Ngô Thanh	Hiếu	2345		8,0	tám	
14	20700746	Nguyễn Công	Hiếu	1234		7,5	bảy rưỡi	
15	20700847	Lương Khánh	Hoàng	2345		8,0	tám	
16	20700944	Nguyễn Phạm Hải	Huy	1234		8,5	tám rưỡi	
17	20700966	Trịnh Lê	Huy	2345		8,5	tám rưỡi	
18	20701107	Nguyễn Tấn	Khải	1234		8,0	tám	
19	20701382	Trần Tiến	Lộc	2345		7,5	bảy rưỡi	
20	20701685	Trần Thành	Nhân	1234		7,0	bảy	
21	20701894	Hồ Ngọc	Phước	2345		4,5	bốn rưỡi	
22	20701861	Hà	Phương	1234		9,0	chín	
23	20701945	Phạm Duy	Quang	4567		8,5	tám rưỡi	
24	20702023	Phan Minh	Sang	1234		7,5	bảy rưỡi	
25	20702207	Nguyễn Hồng	Thành	4567		9,0	chín	
26	20702223	Võ Minh	Thành	1234		8,5	tám rưỡi	
27	20702353	Nguyễn Huy	Thoại	4567		8,0	tám	
28	20702462	Trương Duy	Tiến	2345		7,5	bảy rưỡi	
29	20702612	Lê Đỗ Minh	Trí	3456		7,0	bảy	
30	20702629	Phan Minh	Trí	4567		8,5	tám rưỡi	

Xem tiếp trang 2

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 27 *tháng* 1 *năm* 20,11

Xác nhận BM/Khoa

ThS. Huỳnh Ngọc Hiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm Lê Quang Bình

(Ký và ghi rõ họ tên)

C QUỐC GIA TP. HCM
NG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

MÔN HỌC Thi — Học kỳ 1 — Năm học 10-11
Số tín chỉ Cad/cam/cnc — Mã MH 202104
Ngày thi 3 — Phòng thi 401C5 — Nhóm - tổ 01 - A
CBGD chính 13/01/11 — Tiết thi 8-9
Lê Quang Bình — Mã số CB 1.2451

Tỉ lệ đánh giá: 50 %

Ngày nộp điểm:

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
31	20702653	Bùi Thành	Trung	2345		6,0	sáu	
32	20702679	Nguyễn Thành	Trung	4567		9,0	chín	
33	20702709	Bùi Tấn	Trường	1234		8,5	tám rưỡi	
34	20602795	Nguyễn Đức	Tuấn	3456		7,0	bảy	
35	20702871	Lưu Nguyễn	Tước	4567		8,5	tám rưỡi	
36	20702959	Bùi Thanh	Vinh	2345		7,0	bảy	
37	20702960	Châu Kiến	Vinh	3456		7,5	bảy rưỡi	
38	20702972	Nguyễn Hữu Quang	Vinh	2345		8,0	tám	
39	20703020	Lê Việt	Vũ	3456		9,0	chín	
40	20703026	Nguyễn Hoàng	Vũ	2345		8,5	tám rưỡi	

Danh sách này có 40 sv. Ngày in 20/12/10

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 27/01/11

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 27 *tháng* 1 *năm* 20 11

Xác nhận BM/Khoa

ThS. Huỳnh Thọ Hiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm Lê Quang Bình

(Ký và ghi rõ họ tên)

...C QUỐC GIA TP. HCM
...ỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi | Học kỳ 1 | Năm học 10-11

MÔN HỌC Cad/cam/cnc | Mã MH 202104
Số tín chỉ 3 | Nhóm - tổ 01 - B
Ngày thi 13/01/11 Phòng thi 301C5 | Tiết thi 8-9
CBGD chính Lê Quang Bình | Mã số CB 1.2451

Tỉ lệ đánh giá: 50 %

Ngày nộp điểm:

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	20700308	Thái Phú	Cường	1234		6,5	sáu rưỡi	
2	20704131	Nguyễn Việt	Đức	4567		8,0	tám	
3	20701000	Vũ Văn	Hùng	3456		7,5	bảy rưỡi	
4	20604183	Đoàn Minh	Kha	2345		8,0	tám	
5	20701049	Huỳnh Nam	Kha	1234		8,0	tám	
6	20501254	Nguyễn Duy Minh	Khánh			13	mười ba	vắng
7	20701262	Lê Duy	Lập	3456		6,0	sáu	
8	20701278	Hà Mạnh	Linh	2345		8,0	tám	
9	20701280	Huỳnh Khánh	Linh	1234		6,0	sáu	
10	20604238	Nguyễn Đức	Mạnh	4567		6,5	sáu rưỡi	
11	20501657	Hoàng Lê	Minh	3456		4,5	bốn rưỡi	
12	20704315	Trần Văn	Minh	2345		6,5	sáu rưỡi	
13	20401586	Nguyễn Ngọc	Nam			13	mười ba	vắng
14	20701566	Hoàng Trọng	Nghĩa	4567		9,0	chín	
15	20701718	Lương Trọng	Nhiêm	3456		6,5	sáu rưỡi	
16	20704379	Đào Đăng	Phúc	2345		7,5	bảy rưỡi	
17	20701942	Phan Bảo	Quang	1234		9,0	chín	
18	20701957	Hoàng Công	Quân	4567		7,5	bảy rưỡi	
19	20601980	Nguyễn Hoàng Phú	Quý			13	mười ba	vắng
20	20604342	Nguyễn Quốc Thiên	Sơn	3456		6,5	sáu rưỡi	
21	20702064	Phạm Quốc	Sơn	2345		6,0	sáu	
22	20702383	Nguyễn Tấn	Thuần	1234		8,0	tám	
23	20702657	Đoàn Hữu	Trung			13	mười ba	vắng
24	20702813	Bùi Hữu	Tú	3456		6,5	sáu rưỡi	
25	20702779	Phạm Anh	Tuấn	4567		3,5	ba rưỡi	

Danh sách này có 25 sv. Ngày in 20/12/10

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 27/01/11

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 27 *tháng* 1 *năm* 2011

Xác nhận BM/Khoa

ThS. Huỳnh Ngọc Hiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm Lê Quang Bình

(Ký và ghi rõ họ tên)

IN TẠI CTY LIÊN SƠN TEL: (08) 39 100 555-T06/10

...C QUỐC GIA TP. HCM
...ỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi | Học kỳ 1 | Năm học 10-11

MÔN HỌC Cad/cam/cnc | Mã MH 202104
Số tín chỉ 3 | Nhóm - tổ 02 - A
Ngày thi 13/01/11 Phòng thi 303C5 | Tiết thi 8-9
CBGD chính Huỳnh Hữu Nghị | Mã số CB 1.2446

Tỉ lệ đánh giá: 50 %

Ngày nộp điểm:

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	20600063	Nguyễn Thế	Anh			13	Mười ba	V
2	20700200	Lương Việt Bội	Châu	1234	Châu	8,5	Tám rưỡi	
3	20700298	Nguyễn Phú	Cường	2345	Cường	8,0	Tám	
4	20600299	Nguyễn Vũ Hoài	Di	1234	Di	4,0	Bốn	
5	20600414	Bùi Khổng	Dương	2345	Dương	8	Tám	
6	20700485	Đặng Quốc	Đạt	1234	Đạt	8	Tám	
7	20700486	Hoàng Tiến	Đạt	2345	Đạt	8,5	Tám rưỡi	
8	20500586	Phạm Hữu	Đạt			13	Mười ba	V
9	20700570	Nguyễn Minh	Đức	2345	Đức	8	Tám	
10	20600751	Vũ Đức	Hoan			13	Mười ba	V
11	20700899	Trần Gia	Hợi	4567	Hợi	8,5	Tám rưỡi	
12	20700993	Phạm	Hùng	3456	Hùng	7,5	Bảy rưỡi	
13	20701023	Phạm Văn	Hưng	4567	Hưng	8,5	Tám rưỡi	
14	20701048	Phan Trọng	Hữu	3456	Hữu	7,5	Bảy rưỡi	
15	20701116	Cao Đăng	Khoa	4567	Khoa	8,0	Tám	
16	20701122	Lê Trung	Khoa	3456	Khoa	8,0	Tám	
17	20701228	Ngô Văn	Lanh	4567	Lanh	5,5	Năm rưỡi	
18	20701310	Cao Đức Vũ	Long	3456	Long	9,0	chín	
19	20701367	Nguyễn Đình	Lộc	4567	Lộc	6,5	Sáu rưỡi	
20	20701391	Nguyễn Văn	Lợi	3456	Lợi	6,5	Sáu rưỡi	
21	20701410	Võ Minh	Luật	1234	Luật	8,5	Tám rưỡi	
22	20701412	Nguyễn Văn	Luôn	2345	Luôn	7,5	Bảy rưỡi	
23	20701461	Lê Đức	Minh	3456	Minh	6,5	Sáu rưỡi	
24	20701485	Tăng Mã	Minh	4567	Minh	8,5	Tám rưỡi	
25	20701825	Hồ Minh	Phúc	1234	Phúc	8,5	Tám rưỡi	
26	20701848	Võ Minh	Phúc	2345	Phúc	9,0	chín	
27	20702030	Huỳnh	Sáng	3456	Sáng	6,5	Sáu rưỡi	
28	20702048	Lê Thanh	Sơn	4567	Sơn	8,5	Tám rưỡi	
29	20702128	Bùi Trường	Tân	1234	Tân	9	chín	
30	20702189	Phạm Quốc	Thái	2345	Thái	7,5	Bảy rưỡi	

Xem tiếp trang 2

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 27 *tháng* 01 *năm* 2011

Xác nhận BM/Khoa

THS. Huỳnh Ngọc Hiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm

Huỳnh Hữu Nghị

(Ký và ghi rõ họ tên)

...C QUỐC GIA TP. HCM
...ỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi | Học kỳ 1 | Năm học 10-11

MÔN HỌC Cad/cam/cnc | Mã MH 202104
Số tín chỉ 3 | Nhóm - tổ 02 - A
Ngày thi 13/01/11 | Phòng thi 303C5 | Tiết thi 8-9
CBGD chính Huỳnh Hữu Nghị | Mã số CB 1.2446

Tỉ lệ đánh giá: 50 %

Ngày nộp điểm:

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
31	20702168	Nguyễn Chí	Thanh	3456		7,0	Bảy	
32	20702171	Thái Duy	Thanh	4567		7,0	Bảy	
33	20702282	Trương Đình	Thế	1234		8,0	Tám	
34	20702358	Phạm Bá	Thọ	2345		6,5	Sáu rưỡi	
35	20702362	Đỗ Nguyễn Tiến	Thông	3456		9,0	chín	
36	20702515	Lộ Phú	Toàn	4567		8,0	Tám	
37	20702603	Nguyễn Châu	Trinh	1234		6,5	Sáu rưỡi	
38	20702729	Lê Quang	Trí	2345		8,0	Tám	
39	20702801	Lê Đình	Tuyến	3456		7,5	Bảy rưỡi	
40	20602978	Đặng Hoàng	Việt	4567		7,0	Bảy	

Danh sách này có 40 sv. Ngày in 20/12/10

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 27/01/11

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 27 *tháng* 01 *năm* 2011

Xác nhận BM/Khoa

ThS. Huỳnh Ngọc Kiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm

Huỳnh Hữu Nghị

(Ký và ghi rõ họ tên)

IN TẠI CTY LIÊN SƠN TEL : (08) 39 100 555-T06/10

...C QUỐC GIA TP. HCM
...ỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi **Học kỳ** 1 **Năm học** 10-11

MÔN HỌC Cad/cam/cnc — Mã MH 202104

Số tín chỉ 3 — Nhóm - tổ 02 - B

Ngày thi 13/01/11 Phòng thi 301C5 — Tiết thi 8-9

CBGD chính Huỳnh Hữu Nghị — Mã số CB 1.2446

Tỉ lệ đánh giá: 50 %

Ngày nộp điểm:

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	20704033	Cổ Hoài	Bảo	4567		8,0	Tám	
2	20700462	Võ Quang	Dương	3456		8,0	Tám	
3	20700745	Nguyễn Bảo	Hiếu	2345		7,0	Bảy	
4	20700915	Đoàn Sinh	Huy	1234		6,5	Sáu rưỡi	
5	20701803	Dương Văn	Phòng	4567		7,5	Bảy rưỡi	
6	20701830	Lâm Xuân	Phúc	3456		6,0	Sáu	
7	20704399	Lê Đình	Quân	2345		7,0	Bảy	
8	20702120	Quách Thiện	Tâm	1234		7,5	Bảy rưỡi	
9	20702261	Nguyễn Duy	Thắng	4567		9,0	chín	
10	20702302	Đặng	Thiện	2456		8,5	Tám rưỡi	
11	20702309	Nguyễn Bảo	Thiện	2345		7,5	Bảy rưỡi	
12	20702386	Đào Công	Thuận	2345		7,0	Bảy	
13	20602494	Nguyễn Văn Vũ	Tiến	1234		5,5	Năm rưỡi	
14	20602636	Mai	Trí	2345		5,0	Năm	
15	20702747	Hồ Hữu	Tuấn	3456		6,5	Sáu rưỡi	
16	20703021	Lương Tấn	Vũ	2345		8,5	Tám rưỡi	
17	20603095	Võ Hữu Hoàng	Vũ		Rút MH			
18	20603104	Trần Ngọc Quốc	Vương	4567		5,0	Năm	

Danh sách này có 18 sv. Ngày in 13/01/11

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 27/01/11

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 27 *tháng* 01 *năm* 2011

Xác nhận BM/Khoa

ThS. Huỳnh Ngọc Hiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm

Huỳnh Hữu Nghị

(Ký và ghi rõ họ tên)